

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST
Ngày 31/7/2020
Về việc: “Ly hôn, giải
quyết việc nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC – TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Triệu

Hội thẩm nhân dân:

***1. Ông Nguyễn Phước Lộc – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm dân số và
kế hoạch hóa gia đình huyện Phú Quốc.***

***2. Bà Phạm Thị Kiêm – Chức vụ: Phó hiệu trưởng Trường tiểu học
Dương Đông 1.***

***Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Chung– Thư ký Tòa án huyện Phú
Quốc.***

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc tham gia phiên tòa: Bà
Cao Thị Nhung – Kiểm sát viên.***

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2020/TLST-HNGĐ, ngày 02/3/2020, về: “Ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 22/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14/7/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị Ph, sinh năm: 1995

Địa chỉ: khu phố A, thị trấn ATh, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Bùi Hữu Đ, sinh năm: 1998

Địa chỉ: khu phố A, thị trấn ATh, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

(chị Ph có đơn xin vắng mặt, anh Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 24 tháng 02 năm 2020, tại bản tự khai và các ý kiến có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Trương Thị Ph trình bày: Vào năm 2017 chị Ph và anh Bùi Hữu Đ đến với nhau trên cơ sở tự nguyện có

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn An Thới, huyện Phú Quốc vào ngày 19 tháng 12 năm 2018. Trong quá trình chung sống vợ chồng có với nhau một người con chung là Bùi Ngọc Tuyết L, sinh ngày 03/7/2017.

Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng lẫn nhau; anh Đ ham mê cờ bạc và ngoại tình với người phụ nữ khác không chăm lo cho gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con ngược lại còn gây bạo lực gia đình đánh đập chị Ph nhiều lần. Nay chị Ph xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị Phúc yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Hiện nay người con chung Bùi Ngọc Tuyết L đang do chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng, khi ly hôn chị Ph yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng người con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Ph xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Cam kết không nợ ai và cũng không có ai nợ hai vợ chồng, không có ý kiến và không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Bùi Hữu Đ được Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Do đó, Tòa án không thể tiến hành ghi lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải được, Tòa tiến hành lập biên bản không hoà giải và không công khai chứng cứ được.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc có ý kiến: việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đến thời điểm này đều đảm bảo đúng pháp luật;

Xét yêu cầu của chị Trương Thị Ph về việc xin ly hôn với anh Bùi Hữu Đ có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ: căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, hôn nhân giữa chị Ph và anh Đ là hợp pháp có đăng ký kết hôn, được pháp luật thừa nhận, quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không hàn gắn được, do anh Đ không lo chăm sóc vợ con, ham mê cờ bạc. Căn cứ Điều 9, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị Ph.

Về con chung: Chị Ph yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc người con chung Bùi Ngọc Tuyết L đến tuổi trưởng thành, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao người con chung cho chị Ph nuôi dưỡng là phù hợp. Chị Ph không yêu cầu xem xét việc cấp dưỡng nuôi con, đề nghị miễn xét.

Về tài sản chung: Chị Ph không yêu cầu xem xét, đề nghị miễn xét

Về công nợ chung: Chị Ph xác định không có không yêu cầu giải quyết, đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trương Thị Ph có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy việc đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp quy định pháp luật, căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt nguyên đơn chị Ph.

Anh Bùi Hữu Đ (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt liên tục không có lý do chính đáng của bị đơn nhằm gây khó khăn cho nguyên đơn, kéo dài việc giải quyết vụ án. Sau khi làm đầy đủ thủ tục tố tụng, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Ph và anh Bùi Hữu Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn An Thới, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang ngày 19/12/2018 là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Trương Thị Ph xác định: Khả năng đoàn tụ không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Ph giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Đ. Đồng thời qua xác minh tại địa phương nơi cư trú của vợ chồng chị Ph và anh Đ thì việc mâu thuẫn vợ chồng là có thật, anh Đ ham mê cờ bạc, ngoại tình với người phụ nữ khác bỏ bên gia đình. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận chị Trương Thị Ph được ly hôn anh Bùi Hữu Đ

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Ph và anh Đ có với nhau một người con chung là Bùi Ngọc Tuyết L, kể từ khi sống ly thân cho đến nay, con chung do chị Ph nuôi dưỡng. Để đảm bảo cho sự phát triển về thể chất lẫn tinh thần, trí tuệ của con chưa thành niên; Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất giao người con chung cho chị Trương Thị Ph tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Việc cấp dưỡng chị Ph không yêu cầu, Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Trương Thị Ph xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trương Thị Ph phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Ph được ly hôn anh Bùi Hữu Đ.

2. Về con chung:

a. Giao cháu Bùi Ngọc Tuyết L cho chị Trương Thị Ph trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (18 tuổi);

b. Anh Bùi Hữu Đ không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Trương Thị Ph.

Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Trương Thị Ph xác nhận không có không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử miễn xét.

4. Về án phí: Chị Trương Thị Ph phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Quốc, theo lai thu số 0002545 ngày 02/3/2020, chị Ph không phải nộp thêm.

Anh Bùi Hữu Đ không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết tại địa phương nơi cư trú) để xin xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Phú Quốc;
- THA huyện Phú Quốc;
- UBND thị trấn An Thới, huyện Phú Quốc
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Ngọc Triệu